**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA**

**KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN**

**Logo, company name

Description automatically generated**

**BÀI TIỂU LUẬN**

**MÔN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN**

**ĐỀ TÀI SỐ 15: THẾ NÀO LÀ TÍCH LŨY TƯ BẢN? CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUY MÔ TÍCH LŨY TƯ BẢN?**

**NÊU VÍ DỤ VÀ LIÊN HỆ THỰC TIỄN.**

GVHD: Đồng Thị Tuyền

Nhóm SVTH: Nhóm 9

Lớp: Kinh tế chính trị Mác - Lenin 3

Khoá: 2020 - 2024

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN NHÓM 9**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Mã sinh viên | Họ và tên |
| 1 | 20010914 | Nguyễn Đẩu Nghĩa |
| 2 | 20010010 | Nguyễn Hữu Nghĩa |
| 3 | 20010915 | Đỗ Hồng Ngọc |
| 4 | 20010340 | Nguyễn Thị Ngọc |
| 5 | 20010218 | Hoàng Thị Ánh Nguyệt |
| 6 | 20010728 | Vũ Thị Nhâm |
| 7 | 20010344 | Dương Thị Kiều Oanh |
| 8 | 20010918 | Hà Tuấn Phong |
| 9 | 20010919 | Dương Minh Phương |

**MỤC LỤC**

[**PHẦN 1: MỞ ĐẦU** 3](#_Toc84342285)

[**PHẦN 2: NỘI DUNG CHÍNH** 4](#_Toc84342286)

[2.1. Cơ sở lý luận tích luỹ cơ bản 4](#_Toc84342287)

[2.1.1. Khái niệm tích luỹ cơ bản 4](#_Toc84342288)

[2.1.2. Nguồn gốc tích luỹ cơ bản 5](#_Toc84342289)

[2.1.3. Thực chất tích luỹ cơ bản 5](#_Toc84342290)

[2.1.4. Động cơ tích luỹ cơ bản 6](#_Toc84342291)

[2.1.5. Những nhân tố ảnh hưởng đến quy mô của tích luỹ cơ bản 6](#_Toc84342292)

[2.2. Mối quan hệ tích luỹ - tích tụ - tập trung tư bản 9](#_Toc84342293)

[2.3. Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam 10](#_Toc84342294)

[2.3.1. Thực trạng tích lũy vốn của Việt nam 10](#_Toc84342295)

[2.3.2. Những giải pháp tăng cường tích luỹ vốn ở Việt nam 12](#_Toc84342296)

[**PHẦN 3: KẾT LUẬN** 15](#_Toc84342297)

[**PHẦN 4: TÀI LIỆU THAM KHẢO** 16](#_Toc84342298)

# **PHẦN 1: MỞ ĐẦU**

Đất nước ta đang trong quá trình hội nhập, phát triển năng động nhất từ trước đến nay và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng cả về kinh tế, chính trị, nâng cao vị thế đất nước trên thế giới. Đó là những thành quả rất đáng tự hào mà mỗi chúng ta đều cảm nhận được, là kết quả của sự lựa chọn đúng đắn đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và sự vận dụng sáng tạo các phươmh pháp, nguyên lý cơ bản của phát triển kinh tế vào điều kiện Việt Nam. Với xuất phát điểm thấp, tiềm lực kinh tế rất yếu, tỉ lệ tích lũy dưới 10% thu nhập, chúng ta đối mặt với thực tế trình độ kĩ thuật, năng suất lao động thấp.

Với mô hình nền kinh tế hiện đại, vốn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việv tăng trưởng kinh tế. Nhà kinh tế học hiện đại Samuelson cho rằng một trong những đặc trưng quan trọng của kinh tế hiện đại là “ kĩ thuật công nghiệp tiên tiến hiện đại dựa vào việc sử dụng vốn lớn”. Vốn là cơ sở để tạo ra việc làm, tạo ra công nghệ tiên tiến, tăng năng lực sản xuất của các doanh nghiệp và của cả nền kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất theo chiều sâu; Cơ cấu sử dụng vốn có tác động quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế đất nước.

Để giữ được nhịp độ phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, một trong những khó khăn lớn nhất đặt ra là phương thức huy động vốn từ trong nước là quan trọng nhất, đảm bảo sự bền vững của nền kinh tế và không bị phụ thuộc vào bên ngoài.

Với nhận thức sâu sắc về vai trò của việc tích lũy vốn phục vụ phát triển kinh tế đất nước, trong bài viết này nhóm em sẽ trình bày những lý luận chung về tích lũy tư bản và ứng dụng của nó vào thực tiễn Việt Nam. Do hạn chế về thời gian và trình độ, bài viết khó tránh khỏi những sai sót trong quá trình nghiên cứu, chúng em rất mong nhận được sự đánh giá, hướng dẫn của cô giáo. Em xin trân trọng cảm ơn.

# **PHẦN 2: NỘI DUNG CHÍNH**

* 1. **Cơ sở lý luận tích luỹ cơ bản**
     1. **Khái niệm tích luỹ cơ bản**
* “Tích lũy tư bản” trong kinh tế chính trị Mác- Lênin là việc biến một bộ phận giá trị thặng dư trở lại thành tư bản, còn trong các lý luận kinh tế học khác, nó đơn giản là sự hình thành tư bản (tăng lượng vốn dưới hình thức tư bản cố định và lưu kho của chính phủ và tư nhân). Là sự chuyển hóa một phần giá trị thặng dư thành tư bản hay sử dụng giá trị thặng dư làm tư bản. Tức là nguồn gốc của tích lũy tư bản là giá trị thặng dư, là lao động của công nhân bị tư bản chiếm không.
* Ví dụ 1: Năm thứ nhất quy mô sản xuất là 80c + 20v + 20m. Giả định 20m không bị nhà tư bản tiêu dùng tất cả cho cá nhân, mà được phân thành 10m dùng để tích luỹ và 10m dành cho tiêu dùng cá nhân của nhà tư bản. Phần 10m dùng để tích luỹ được phân thành 8c + 2v, khi đó quy mô sản xuất của năm sau sẽ là 88c + 22v + 22m (nếu m vẫn như cũ). Như vậy, vào năm thứ hai, quy mô tư bản bất biến và tư bản khả biến đều tăng lên, giá trị thặng dư cũng tăng lên tương ứng.
* Ví dụ 2: Qui mô tư bản năm thứ nhất là 5000 (C + V), nếu C/V = 4/1, m'= 100% thì: Giá trị hàng hoá năm thứ nhất được sản xuất là 4000C + 1000V + 1000m = 6000. Để tái sản xuất mở rộng thì nhà tư bản không tiêu dùng hết 1000m cho cá nhân mình mà dành một phần để tích luỹ mở rộng sản xuất. Giả sử tỷ lệ tích luỹ là 50% thì 1000m được phân thành 500m1 để tích luỹ, 500m2 để tiêu dùng cho cá nhân nhà tư bản. Giả sử C/V=4/1 thì 500m1 được phân thành 400C1 (tư bản bất biến phụ thêm) và 100V1 (tư bản khả biến phụ thêm).
* Như vậy sang năm thứ hai qui mô tư bản là 4400C + 1100V = 5500
* Vậy: Thực chất của “tích lũy tư bản” là biến một phần m thành tư bản hay tư bản hoá giá trị thặng dư.
* Cần phân biệt tích luỹ tư bản chủ nghĩa và tích luỹ nguyên thủy tư bản chủ nghĩa: Tích luỹ nguyên thủy tư bản chủ nghĩa thực chất là dùng bạo lực để tước đoạt, tách người lao động ra khỏi tư liệu sản xuất, là tích luỹ phi kinh tế. Tích luỹ tư bản chủ nghĩa là tư bản hoá giá trị thặng dư, là tích luỹ kinh tế.
  + 1. **Nguồn gốc tích luỹ cơ bản**
* Thứ nhất, nguồn gốc duy nhất của tích lũy tư bản là giá trị thặng dư và tư bản tích lũy chiếm một tỷ lệ ngày càng lớn trong toàn bộ tư bản. C.Mác nói rằng: “tư bản ứng trước chỉ là một giọt nước trong dòng sông của tích lũy mà thôi”. Trong quá trình tái sản xuất, lãi (m) cứ đập vào vốn, vốn càng lớn thì lãi càng lớn, do đó lao động của công nhân trong quá khứ lại trở thành phương tiện để bóc lột chính người công nhân.
* Thứ hai, quá trình tích lũy đã làm cho quyền sở hữu trong nền kinh tế hàng hóa biến thành quyền chiếm đoạt tư bản chủ nghĩa. Trong sản xuất hàng hóa giản đơn, sự trao đổi giữa người sản xuất hàng hóa theo nguyên tắc ngang giá về cơ bản không dẫn tới người này chiếm đoạt lao động không công của người kia. Trái lại, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa dẫn đến kết quả là nhà tư bản chẳng những chiếm đoạt một phần lao động của công nhân, mà còn là người sở hữu hợp pháp lao động không công đó. Nhưng điều đó không vi phạm quy luật giá trị. Nguồn gốc của tư bản khả biến (v) là do công nhân tạo ra (sức lao động) và công nhân ứng trước sức lao động cho nhà tư bản chứ không phải nhà tư bản ứng trước tiền công cho công nhân. Nguồn gốc của tư bản ứng trước là do giá trị thặng dư (m) tích luỹ lại. Bởi vì sau nhiều chu kỳ sản xuất nhà tư bản đã tiêu dùng hết một lượng lớn hơn nhiều tư bản ứng trước. Công nhân phụ thuộc vào nhà tư bản cả trong sản xuất và tiêu dùng. Trong sản xuất: công nhân bị nhà tư bản quản lý để tạo ra (v +m). Do đó thu nhập phụ thuộc vào sự phân chia của nhà tư bản

         Cung = cầu với mức tiền lương đủ tiêu dùng

         Cung > cầu tiền công thiếu ( tiền công thực tế giảm )

Trong tiêu dùng: công nhân phụ thuộc vào nhà tư bản thương nghiệp. Do đó tiền công danh nghĩa chuyển vào tiền công thực tế, công nhân sử dụng tư liệu sinh hoạt để tái sản xuất sức lao động và tiếp tục làm việc để có thu nhập. Như vậy việc tiêu dùng của công nhân nhằm phục vụ cho sản xuất của nhà tư bản.

* + 1. **Thực chất tích luỹ cơ bản**

Dưới chủ nghĩa tư bản, muốn tái sản xuất mở rộng, nhà tư bản không thể sử dụng hết giá trị thặng dư cho tiêu dùng cá nhân, mà phải trích ra một phần để chuyển hoá tư bản nhằm tăng quy mô đầu tư so với năm trước. Phần giá trị thặng dư đó được gọi là tư bản phụ thêm. Tích luỹ tư bản là biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm để mở rộng sản xuất.

* Như vậy, thực chất của tích luỹ tư bản đó là tư bản hoá giá trị thặng dư. Sở dĩ giá trị thặng dư có thể chuyển hoá thành tư bản được vì giá trị thặng dư đã mang sẵn những yếu tố vật chất của tư bản mới.
  + 1. **Động cơ tích luỹ cơ bản**

Động cơ thúc đẩy tích lũy tư bản là quy luật giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản. Mục đích theo đuổi giá trị thặng dư: quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản đòi hỏi sản xuất ngày càng nhiều giá trị thặng dư cho nhà tư bản. Muốn vậy, phải phát triển sản xuất tư bản chủ nghĩa cả chiều rộng và chiều sâu, phải tích luỹ tư bản.

Cạnh tranh và lợi nhuận: chiến thắng trong cạnh tranh và có nhiều lợi nhuận, các nhà tư bản phải tích luỹ tư bản. Nếu không có tích luỹ thì sẽ không có tư bản để đổi mới kỹ thuật để sản xuất phát triển. Đáp ứng yêu cầu ứng dụng tiến bộ khoa học- kỹ thuật- công nghệ.

* + 1. **Những nhân tố ảnh hưởng đến quy mô của tích luỹ cơ bản**
* Với một khối lượng giá trị thặng dư nhất định thì quy mô tích luỹ tư bản sẽ phụ thuộc vào tỷ lệ phân chia giá trị thặng dư cho tích luỹ và tiêu dùng. Còn nếu tỷ lệ phân chia cố định thì quy mô tích luỹ sẽ phụ thuộc vào các yếu tố:

KTL = f ( n, M)

n: tỷ lệ tích luỹ / tiêu dùng

m: Khối lượng giá trị thặng dư

Khi M cố định thì KTL = f(n) (1)

Khi n cố định thì K TL= f(M) (2)

* Trường hợp (1): Giả định M không đổi thì quy mô tích luỹ phụ thuộc vào tỷ lệ phân chia giữa tích luỹ và tiêu dùng( tiêu dùng ít thì tích luỹ nhiều và ngược lại). Ví dụ: M = 200 khi Tích luỹ 100, tiêu dùng 100 thì cơ cấu c/v = 80/20; 70/30; 60/40; 50/50. Trong quá trình phát triển chủ nghĩa tư bản, thời kỳ đầu các nhà tư bản thường tiết kiệm tiêu dùng để tăng quy mô kinh tế. Nhưng khi chủ nghĩa tư bản phát triển, các nhà tư bản tiêu dùng sa hoa hơn nhưng nhờ khối lượng m tăng lên nên không ảnh hưởng đến quy mô tích luỹ
* Trường hợp (2): Giá trị n cố định, có 4 nhân tố làm tăng M
* **Trình độ bóc lột giá trị thặng dư:**

Khi nghiên cứu sự sản xuất giá trị thặng dư, C.Mác giả định rằng sự trao đổi giữa công nhân và nhà tư bản là sự trao đổi ngang giá, tức là tiền công bằng giá trị sức lao động. Nhưng trong thực tế, công nhân không chỉ bị nhà tư bản chiếm đoạt lao động thặng dư, mà còn bị chiếm đoạt một phần lao động tất yếu, tức cắt xén tiền công, để tăng tích luỹ tư bản. Các nhà tư bản còn nâng cao trình độ bóc lột sức lao động bằng cách tăng cường độ lao động và kéo dài ngày lao động để tăng khối lượng giá trị thặng dư, nhờ đó tăng tích luỹ tư bản. Cái lợi ở đây còn thể hiện ở chỗ nhà tư bản không cần ứng thêm tư bản để mua thêm máy móc, thiết bị mà chỉ cần ứng tư bản để mua thêm nguyên liệu là có thể tăng được khối lượng sản xuất, tận dụng được công suất của máy móc, thiết bị, nên giảm được hao mòn vô hình và chi phí bảo quản của máy móc, thiết bị.

* **Năng suất lao động**

Năng suất lao động xã hội tăng lên thì giá cả tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng giảm xuống, sự giảm này đem lại hai hệ quả cho tích luỹ tư bản: Với một khối lượng giá trị thặng dư nhất định, phần dành cho tích luỹ tư bản có thể tăng lên, nhưng tiêu dùng của nhà tư bản không giảm, thậm chí có thể cao hơn. Một lượng giá trị thặng dư nhất định dành cho tích lũy có thể chuyển hóa thành một khối lượng tư liệu sản xuất và sức lao động phụ thêm nhiều hơn trước.

Do đó, quy mô của tích luỹ không chỉ phụ thuộc vào khối lượng giá trị thặng dư được tích luỹ, mà còn phụ thuộc vào khối lượng hiện vật do khối lượng giá trị thặng dư đó có thể chuyển hoá thành. Như vậy năng suất lao động xã hội tăng lên sẽ có thêm những yếu tố vật chất để biến giá trị thặng dư thành tư bản mới, nên làm tăng quy mô của tích luỹ. Nếu năng suất lao động cao, thì lao động sống sử dụng được nhiều lao động quá khứ hơn, lao động quá khứ đó lại tái hiện dưới hình thái có ích mới, được sử dụng làm chức năngcủa tư bản ngày càng nhiều, do đó cũng làm tăng quy mô của tích luỹ tư bản.

Như vậy, năng suất lao động xã hội tăng lên sẽ có thêm những yếu tố vật chất để biến giá trị thặng dư thành tư bản mới, nên làm tăng quy mô tích lũy. Sự giàu có của xã hội không chỉ do độ dài của thời gian lao động thặng dư mà chủ yếu do năng suất lao động thặng dư quyết định.

* **Chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản đã tiêu dùng**

Tư bản sử dụng là khối lượng giá trị các tư liệu lao động mà toàn bộ quy mô hiện vật của chúng đều hoạt động trong quá trình sản xuất sản phẩm. Tư bản tiêu dùng là phần giá trị những tư liệu lao động (máy móc, nhà xưởng) được chuyển hóa vào sản phẩm theo từng chu kỳ sản xuất dưới dạng khấu hao. Trong quá trình sản xuất, tư liệu lao động (máy móc, thiết bị) tham gia vào toàn bộ quá trình sản xuất, nhưng giá trị của chúng lại chỉ bị khấu hao từng phần. Như vậy, dù đã mất dần giá trị, nhưng trong suốt thời gian hoạt động, tư liệu lao động vẫn có tác dụng như khi còn đủ giá trị. Sự hoạt động này của tư liệu lao động được xem như sự phục vụ không công. Tư liệu lao động càng hiện đại, thì sự chênh lệch giữa tư bản được sử dụng và tư bản đã tiêu dùng càng lớn, do đó sự phục vụ không công càng lớn, tư bản lợi dụng được những thành tựu của lao động quá khứ càng nhiều, nhờ vậy quy mô của tích lũy tư bản càng lớn

* **Đại lượng tư bản ứng trước**

Trong công thức: M = m’ + V, nếu m’ không thay đổi thì khối lượng giá trị thặng dư chỉ có thể tăng khi tổng tư bản khả biến tăng, và tất nhiên tư bản bất biến cũng phải tăng lên theo tỷ lệ nhất định. Do đó, muốn tăng khối lượng giá trị thặng dư, phải tăng khối lượng tư bản ứng trước. Đại lượng tư bản ứng trước càng lớn thì quy mô sản xuất càng được mở rộng theo chiều rộng và theo chiều sâu. Vì thế, các nhân tố làm tăng quy mô tích lũy tư bản nói trên càng có điều kiện thực hiện. Với trình độ bóc lột không thay đổi, thì khối lượng giá trị thặng dư do khối lượng tư bản khả biến quyết định. Do đó quy mô của tư bản ứng trước, nhất là bộ phận tư bản khả biến càng lớn, thì khối lượng giá trị thặng dư bóc lột được càng lớn, do đó tạo điều kiện tăng thêm quy mô của tích luỹ tư bản. Tích lũy dưới chế độ tư bản chủ nghĩa làm cho của cải tập trung vào tay giai cấp tư sản, người công nhân bị bóc lột nặng nề, càng tăng thêm thất nghiệp và nghèo đói, làm cho mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ngày càng thêm sâu sắc hơn. Như vậy, từ sự nghiên cứu bốn nhân tố quyết định quy mô của tích luỹ tư bản có thể rút ra nhận xét chung là để tăng quy mô tích luỹ tư bản, cần khai thác tốt nhất lực lượng lao động xã hội, tăng năng suất lao động, sử dụng triệt để công suất của máy móc, thiết bị và tăng quy mô vốn đầu tư ban đầu.

* 1. **Mối quan hệ tích luỹ - tích tụ - tập trung tư bản**

Quy mô của tư bản cá biệt tăng lên thông qua hai con đường là tích tụ và tập trung tư bản: Tích tụ tư bản là sự tăng thêm quy mô tư bản cá biệt bằng cách tư bản hoá một phần giá trị thặng dư. Đây là kết quả trực tiếp của tích luỹ tư bản. Tập trung tư bản là sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt có sẵn thành một tư bản cá biệt khác lớn hơn. Tập trung tư bản diễn ra bằng hai phương pháp là cưỡng bức (các nhà tư bản bị thôn tính do phá sản) và tự nguyện (các nhà tư bản liên hiệp, tổ chức thành công ty cổ phần). Tích tụ và tập trung tư bản có quan hệ biện chứng với nhau và tác động thúc đẩy nhau nhưng lại không đồng nhất với nhau. Đây không những là sự khác nhau về mặt chất mà còn khác nhau về mặt lượng. Tích tụ tư bản làm tăng quy mô tư bản xã hội, nó phản ánh mối quan hệ trực tiếp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Tập trung tư bản không làm tăng quy mô tư bản xã hội mà chỉ phân phối lại và tổ chức lại tư bản xã hội, nó phản ánh quan hệ trực tiếp giữa các nhà tư bản. Tập trung tư bản có vai trò rất lớn trong quá trình chuyển sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn TBCN và quá trình chuyển chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn thấp lên giai đoạn cao. Nếu gạt bỏ tính chất TBCN, tích tụ và tập trung là hình thức làm tăng thu nhập quốc dân và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn vốn của xã hội trong quá trình sản xuất. Quá trình tích luỹ tư bản tất yếu dẫn đến sự phân cực: một bên làm cho chủ nghĩa tư bản phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu thông qua sự tích tụ và tập trung của tư bản, thông qua việc nâng cao cấu tạo hữu cơ của tư bản và làm cho giai cấp tư sản ngày càng giàu có xa hoa; Còn một bên là giai cấp những người lao động không tránh khỏi sự thất nghiệp và bần cùng. Đó là quy luật chung của tích luỹ tư bản. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản dựa trên cơ sở dùng bạo lực để tước đoạt của những người sản xuất nhỏ, đặc biệt là nông dân. Quá trình đóđã biế n chếđộ tư hữu nhỏ dựa trên lao động cá nhân thành chếđộ sở hữu TBCN dựa trên sự bóc lột lao động là m thuê, biến sản xuất nhỏ lạc hậu, phân tán thành sản xuất lớn, tập trung. Đó là sự phủđịnh chế độ tư hữu của những người sản xuất nhỏ. Nhưng khi phương thức sản xuất TBCN đã hình thành thì quá trình tích luỹ và cạnh tranh dẫn đến tư bản và sản xuất được tập trung ngày càng lớn, do đó sản xuất được xã hội hoá cao hơn, lực lượng sản xuất được phát triển mạnh hơn. Điều đó làm cho mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với chếđộ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa phát triển. Sự phát triển của mâu thuẫn này sẽ dẫn đến sự tất yếu thay thế chủ nghĩa tư bản bằng xã hội cao hơn, tiến bộ hơn. Đây cũng là xu hướng lịch sử của tích luỹ tư bản, xu hướng tạo ra những tiền đề vật chất và tiền đề xã hội cao cho sự phủ định đối với chủ nghĩa tư bản.

* 1. **Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam**

Đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế, nhất là hơn 20 năm đổi mới vừa qua, tốc độ tăng trưởng khá cao, sản xuất phát triển, có tích luỹ từ nội bộ, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Để giữđược tốc độ tăng trưởng cao trong những nă m tới sẽ phụ thuộc rất nhiều vào việc tích lũy, huy động vốn cho nền kinh tế. Nhiều chuyên gia quốc tế cho rằng Việt Nam muốn phát triển đạt tốc độ theo hướng rồng bay thì phải nỗ lực huy động tích luỹ trong nước, tăng cường nó có hiệu quả với vốn nước ngoài vàđầu tư phải có hiệu quả cao để hệ số ICOR chỉ ở mức 2,5 và mức tăng trưởng phải ít nhất là trên 8% một năm, như vậy thì thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam có thể tăng gấp 4- 5 lần trong vòng một thế hệ. Việt Nam có thể lựa chọn các tình huống tăng trưởng tuỳ theo mức tích luỹ trong nước và mức đầu tư trên GDP cũng như hiệu suất sử dụng vốn. Việt Nam muốn đẩy nhanh tốc độ CNH- HĐH nền kinh tế cần huy động tối đa không chỉ nguồn vốn tiền mặt còn nằm rải rác trong dân cư mà còn cần phải huy động các nguồn tài lực, những kinh nghiệm quản lý, và tất cả các quan hệ bang giao cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá nền kinh tế. Chúng ta sẽ xem xét thực trạng và giải pháp tích lũy vốn ở Việt nam hiện nay.

* + 1. **Thực trạng tích lũy vốn của Việt nam**

Trước đây, trong nền kinh tế bao cấp, chỉ huy khi mà cuộc sống của người dân còn vô cùng khó khăn, tiêu dùng còn thiếu thốn thì quá trình tích luỹ vốn còn gặp rất nhiều trở ngại. Sự can thiệp quá sâu vào nền kinh tế của Nhà nước là m cho các tổ chức doanh nghiệp không thể phát huy hết được khả năng tham gia vào thị trường của mình. Nguồn vốn viện trợ của nước ngoài lại chứa đựng nhiều yếu tố chính trị nên không được phát huy hết khả năng vốn có của nó. Với chính sách mở cửa phát triển kinh tế, đời sống nhân dân đãđược cải thiện rõ rệt, tổng thu nhập quốc dân tăng nhanh, thị trường hàng hoá phong phú và sôi động... Tuy nhiên những thành quả đó vẫn còn quá nhỏ bé, nề n kinh tế của ta vẫn còn lạc hậu, kém phát triển. Một trong những nguyên nhân chính là thực trạng tích lũy vốn của ta chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, quy mô vốn của các doanh nghiệp thấp. Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, tính đến ngày 01/01/2004, cả nước có 72.012 doanh nghiệp thực tế hoạt động với tổng số vốn là 1.724.558 tỷđồng (nếu quy đổi ra đô la Mỹ (thời điểm nă m 2003) thì quy mô vốn của các doanh nghiệp ở Việt Nam chỉ tương đương với một tập đoàn đa quốc gia cỡ trung bình trên thế giới). Trong đó doanh nghiệp Nhà nước chiếm 59,0/% tổng vốn của doanh nghiệp cả nước (1.018.615 tỷđồng), doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 19,55% (337.155 tỷ đồng), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 21,44% tổng vốn các doanh nghiệp cả nước (868.788 tỷđồng). Xét riêng đối với mỗi doanh nghiệp, vốn của từng doanh nghiệp rất nhỏ (năm 2004, bình quân mỗi doanh nghiệp là 23,95 tỷ đồng). Theo Trung tâm thông tin doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch vàĐầu tư, nă m 2005 toàn quốc có 39.959 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với tổng vốn đăng ký 108,03 ngàn tỷđồng, đạt 107,3% về số lượng và 141% về vốn đăng ký so năm trước. Số liệu thống kê sơ bộ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết trong quý I năm 2006, có 7.775 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp với số vốn đăng ký 29.063 nghìn tỷ đồng. Tuy giảm 8% về số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh nhưng tăng 25% về số vốn đăng ký. Thực tế cho thấy tiềm năng trong dân còn rất lớn nhưng tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư còn thấp, nhiều hộ gia đình và không ít những doanh nghiệp còn đầu tư chưa có hiệu quả, nguồn vốn vẫn không luân chuyển được từ nơi thừa đế n nơi thiếu. Đầu tư của Nhà nước tuy đã tăng lên nhưng còn dàn trải, còn lãng phí, thị trường tiền tệ, thị trường vốn còn chậm phát triển, lãi suất tín dụng chưa phù hợp với việc đẩy mạnh quá trình tích tụ và tập trung vốn, vì thế còn hạn chế đầu tư phát triển. Các hình thức tích tụ và tập trung vốn chưa tạo ra sức hấp dẫn với người có vốn và hệ số sử dụng vốn trong nền kinh tế còn thấp. Việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư còn phân tán, không tập trung tối đa vốn tiền mặt cũng như nhân tài vật lực để giải quyết với tốc độ nhanh các công trình thiết yếu mang tính chất “xương sống” của nền kinh tế, vẫn còn nhiều lãng phí và kém hiệu quả. Hệ thống hành chính nói chung còn lắm thủ tục phiền hà. Tuy nhiên sự phát triển nhanh chóng của thị trường chứng khoán thời gian qua đã cho thấy đây là một kênh huy động vốn thực sự hấp dẫn và rất đáng kể. Tính đến năm 2005, giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết vàđăng ký giao dịch đã tương đương 6,5% GDP (năm 2004 con số này là 3,9% GDP). Trong khi nguồn vốn còn hạn chế thì các giải pháp huy động vốn hiệ u quảđóng vai trò hết sức quan trọng. Do đó những nhà quản lý kinh tế cần tiếp tục nghiên cứu để tìm ra các giải pháp tích tụ và tập trung vốn đạt hiệu quả cao nhất, đáp ứng được yêu cầu về vốn cho sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước ở Việt Nam.

* + 1. **Những giải pháp tăng cường tích luỹ vốn ở Việt nam**

Mục đích của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa: “CNXH là làm nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần văn hoá cho mọi người dân sung sướng, ấm no”. Trong điều kiện nước ta, từ sản xuất nhỏđi lên CNXH chúng ta không còn cách nào khác là một mặt phải huy động toàn bộ sức lực của mọi người, mọi ngành mọi cấp để tăng gia sản xuất thúc đẩy sản xuất phát triển; mặt khác, phải triệt để tiết kiệm nhằm tích luỹ vốn từ nội bộ nền kinh tế nước ta cho sự nghiệp xây dựng phát triển nền kinh tế sản xuất lớn XHCN.

* **Giải quyết đúng đắn mối quan hệ tích luỹ- tiêu dùng**

Vì mục tiêu của xã hội XHCN là không ngừng tái sản xuất mở rộng, tăng thê m sản phẩm xã hội, nâng cao mức sống của người dân lao động mà chúng ta cần phải xác định cho được giữa quỹ tích luỹ và quỹ tiêu dùng. Tỷ lệ cụ thể giữa tích luỹ và tiêu dùng phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế xã hội trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong xã hội, hiệu quả của kỹ thuật mới sử dụng hợp lý các nguồn vật tư, lao động và các yếu tố khác nữa. Tương quan giữa tích luỹ và tiêu dùng được coi là tối ưu khi sử dụng đươc các tài sản hiện có, thực hiện được mức tích luỹ có thểđảm bảo phát triển sản xuất với tốc độ cao vàổn định mà cuối cùng vẫn đảm bảo tăng tiê u dùng và tích luỹ không đến mức cao nhất. Vởi tỷ lệ giữa tích luỹ và tiêu dùng sắp xếp như thế nào là thích đáng? Tỷ lệ này có phải cốđịnh không và dựa trên nguyên tắc nào để sắp xếp tỷ lệđó? Đây là vấn đề trung tâ m của việc phân phối xã hội chủ nghĩa, nó thể hiện cụ thể mối quan hệ giữa xây dựng kinh tế và cải thiện đời sống giữa lợi ích lâu dài và lợi ích trước mắt, giữa lợ i ích của nhân dân và lợi ích của toàn xã hội... Việc phân chia tỷ lệ này không cốđịnh mà thay đổi tuỳ thuộc vào nhu cầu của nền kinh tế trong từng thời kỳ nhất định. Đồng thời chúng ta phải không ngừng khuyến khích tất cả mọi người dân đều ra sức tiết kiêm, tích luỹ. Như vậy có thể nói tỷ lệ giữa tíh luỹ và tiêu dùng không chỉđơn thuần là tỷ lệ về kinh tế mà là thể hiện đường lối chính sách của Đảng trong từng thời kỳ nhất định.

* **Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn**

Để sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, trước hết chúng ta phải xác định rõ từng đối tượng được cấp vốn, từđó phân bổ nguồn vốn một cách hợp lý cho các ngành nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao hơn. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, chính phủ không nên cấp vốn toàn bộ mà nên tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp, nhờ vậy doanh nghiệp sẽ có trách nhiệm hơn với đồng vốn của mình, đồng thời chính nhờ có cổ phần hoá mà tạo điều kiện cho các chủ doanh nghiệp phát huy mọi năng lực cũng như khả năng quản lý của họ từ đó sẽ nâng cao rất nhiều hiệu quả sử dụng vốn. Việc đồng vốn cóđược sử dụng hiệu quả hay không một phần lớn phụ thuộc vào yếu tố con người. Vì thế cần phải có một đội ngủ cán bộ quản lý có trình độ năng lực và trách nhiệm cao. Đồng thời nhà nước cũng cần phải xem xét lại mô hình tổ chức quản lý, chú ý đến đội ngũ cán bộ, tạo diều kiện thuậ n lợi nhất cho họ có thể phát huy mọi năng lực của mình. Đặc biệt trong điều kiện cạnh tranh quyết liệt nguồn vốn FDI trong khu vực cũng như trên thếgiới thì việc thiết lập một cơ chế tổ chức gọn nhẹ không chồng chéo có hiêu quả cũng tạo ra khả năng cạnh tranh lớn.

* **Tăng cường tích luỹ vốn trong nước và có biện pháp thu hút vốn đầu tư nước ngoài**
* Cần hướng mạnh vào giải phóng triệt để và khơi thông các nguồn lực trong xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư phát triển kinh doanh để tạo ra năng lực sản xuất, hạ tầng kinh tế- xã hội, trên cơ sở đó nâng cao tiềm lực tài chính quốc gia. Thực hiện cơ chế, chính sách tài chính đồng bộ, thống nhất giữa các thành phần kinh tế, tạo sự bình đẳng trong cạnh tranh, xóa bỏ tình trạng phân biệt đối xử trong kinh doanh giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, giữa các thành phần kinh tế tạo chuyển biến tích cực trong ổn định môi trường đầu tư, tăng tính hấp dẫn nhằm thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp. Chủ động huy động trên thị trường tài chính quốc tế thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
* Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư gián tiếp thông qua thị trường tài chính trong nước. Hoàn thiện cơ chế thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển, tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước và phát triển hệ thống ngân hàng thương mại. Xây dựng chính sách tài chính phát triển thị trường bất động sản, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và thị trường nhà ở đô thị nhằm giải phóng và phát huy các nguồn lực của đất nước đưa vào đầu tư phát triển kinh tế. Đọng viên thu hút rộng rãi các nguồn vốn trong xã hội nhằm tăng đầu tư nâng cao số lượng và chất lượng các dịch vụ công cộng.
* Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa bằng cách áp dụng cơ chế tài chính phù hợp đối với các đơn vị sự nghiệp.
* **Quản lí có hiệu quả các nguồn thu**

Động viên hợp lí các nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên cơ sở cải cách hệ thống thuế, phí phù hợp với cơ chế thị trường, theo hướng công bằng, thống nhất, có cơ cấu hợp lí và đồng bộ. Chính sách động viên hướng mạnh vào mục tiêu phát triển dài hạn, xác định mức thuế hợp lí, giảm gánh nặng thuế cho doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng, tạo động lực lớn khuyến khích sản xuất, trên cơ sở đó tăng quy mô ngân sách nhà nước. Nâng cao tỷ trọng thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân bằng cách mở rộng đối tượng nộp thuế. Mặt khác, đẩy mạnh cải cách hành chính công khai hóa và đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế; mở rộng áp dụng cơ chế tù khai, tự tính và tự nộp thuế; hiện đại hóa các công tác quản lý thuế, triển khai các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ tính thuế và nộp thuế; hạn chế thất thu thuế ở mức thấp nhất, bảo quản thu đúng, thu kịp thời các khoản thu ngân sách nhà nước.

# **PHẦN 3: KẾT LUẬN**

Với một nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đất nước ta đang ở trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ và năng động nhất từ trước tới nay. Sự phát triển của nền kinh cũng tạo ra áp lực về tăng quy mô vốn cho nền kinh tế. Vì vậy việc nghiên cứu tích luỹ tư bản và việc vận dụng lí luận đó vào thực tiễn Việt Nam là rất quan trọng và cần thiết. Quá trình CNH- HĐH đất nước đạt được thành công trước hết phải có vốn lớn. Theo đánh giá của các nhàđầu tư tài chính quốc tế tại Diễn đàn đầu tư Việt Nam năm 2006, thị trường vốn Việt Nam hứa hẹn rất nhiều cơ hội đầu tư do nguồn tích lũy vốn trong dân cao, trái phiếu, cổ phiếu từ các công ty Nhà nước tham gia tiến trình cổ phần hóa đang tạo nhiều hàng hóa cho thị trường. Thêm nữa, Việt Nam cũng là nước có quy mô dân sốđông và trẻ với nhu cầu chi tiêu lớn. Điều này sẽ kích thích sự sôi động của thị trường vốn. Vấn đề mấu chốt ởđây là phải có những giải pháp thích hợp nào có thể huy động nguồn vốn đóđể sử dụng có hiệu quả nhất. Sự phát triển bền vững và liên tục của nền kinh tế Việt nam trong một thế giới mà xu thế toàn cầu hóa đang tạo ra rất nhiều cơ hội cũng nhưáp lực, thách thức đòi hỏi mỗi người dân, mỗi doanh nghiệp… không chỉ biết làm giàu cho mình mà còn phải biết làm giàu cho toàn xã hội. Qui luật cạnh tranh đã buộc bất cứ một nhà doanh nghiệp nào cũng phải không ngừng mở rộng vốn đầu tưđể phát triển doanh nghiệp. Con đường duy nhất để mở rộng vốn đầu tư của mình chính là con đường phải tích luỹ ngày càng nhiều hơn để tá i sản xuất mở rộng. Vì thế Nhà nước cần nuôi dưỡng khát vọng cho cả cộng đồng dân cư luôn biết say mê tích luỹđể mở rộng đầu tư hơn nữa. Mặt khác việc thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư từ nước ngoài (FDI , ODA…) sẽ có tác động hỗ trợ rất lớn. Đó chính là con đường dẫn đến sự thành công của sự nghiệp CNH- HĐH đất nước, khẳng định tính đúng đắn của chính sách mở cửa, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, sớm đạt mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

# **PHẦN 4: TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* Giáo trình Kinh tế chính trị Mac- Lênin
* Kinh tế học của P. A. Samuelson.
* Tư bản - Quyển 1- Tập 3/ K. Marx
* Báo cáo diễn đàn đầu tư Việt nam 2006
* Thời báo kinh tế Việt nam 2005-2006
* Tích tụ và tập trung vốn trong nước- Trần Xuân Kiên
* Văn kiện Đại hội IX, X của Đảng…19